TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 183/2025/QĐST-HNGĐ	*TT, ngày 20 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; khoản 2 Điều 35; Điều 212; Điều 213; Điều 371; Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Trờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 158/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

* Chị A, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Lộc 2, xã P, huyện TT, TP Hà Nội.

* Anh T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Lộc 2, xã P, huyện TT, TP Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị A và anh T có 04 con chung là cháu Th, sinh ngày 20/01/2010; cháu Th, sinh ngày 22/6/2012; cháu Tr, sinh ngày 04/3/2019 và cháu T, sinh ngày 27/01/2023. Chị Mai Anh và anh Tuấn thỏa thuận: Chị Mai Anh trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Bảo Tr và cháu Thùy T; anh Tuấn trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Anh Tr và cháu Anh Tr đến khi các cháu Anh Tr, Anh Tr, Bảo Tr và cháu Thùy T đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị A và anh T được quyền qua lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chị A và anh T xác định không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Chị A và anh T tự thống nhất thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị A và anh T phải chịu lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị A và anh T có 04 con chung là cháu Th, sinh ngày 20/01/2010; cháu Th, sinh ngày 22/6/2012; cháu Tr, sinh ngày 04/3/2019 và cháu T, sinh ngày 27/01/2023. Chị Mai Anh và anh Tuấn thỏa thuận: Chị Mai Anh trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Bảo Tr và cháu Thùy T; anh Tuấn trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Anh Tr và cháu Anh Tr đến khi các cháu Anh Tr, Anh Tr, Bảo Tr và cháu Thùy T đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị A và anh T được quyền qua lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị A và anh T xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị A và anh T tự thống nhất thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Chị A phải chịu 150.000 đồng lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 150.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0059206 ngày 06/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội.

Anh T phải chịu 150.000 đồng lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 150.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0059207 ngày 06/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- Đương sự;
- VKSND huyện TT;
- UBND xã P, huyện TT (GCNKH số 29, ngày 24/4/2019);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trí Tuân